

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản. Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ. Kinh doanh vận tải biển. Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác. Chế biến cá và thủy sản khác. Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm. Sản xuất, gia công linh kiện thép. Kinh doanh kho, bãi. Kinh doanh dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc (thực hiện theo đúng Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ). Mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là năm tài chính thứ hai của Công ty.

- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 28
Máy móc và thiết bị	10 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 20

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao 50 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết 30/2008/NQ – CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Thông tư hướng dẫn 03/2009/TT – BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2007 : 16.114 VND/USD
31/12/2008 : 16.977 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong **năm** được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.849.246.020	2.534.616.115
Tiền gửi ngân hàng	30.574.487.104	6.440.956.812
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<u>6.000.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>38.423.733.124</u>	<u>8.975.572.927</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	105.085.719.114	121.994.242.817
Khách hàng nước ngoài (*)	<u>14.728.890.552</u>	<u>13.093.620.684</u>
Cộng	<u>119.814.609.666</u>	<u>135.087.863.501</u>

(*) Trong đó, nợ phải thu khó đòi 6.713.335.647 VND chưa được lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	644.032.013	570.265.700
Nhà cung cấp nước ngoài	9.801.216.985	16.280.270.470
Cộng	<u>10.445.248.998</u>	<u>16.850.536.170</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TB Lanh cách nhiệt TST	14.436.052.719	2.946.894.972
Công ty Cổ phần XD&SX VLXD	11.426.977.519	-
Công ty TNHH CDL Nhật Việt	-	602.820.000
Công ty TNHH XD-TM Hoàng Phúc	-	560.720.023
Công ty TNHH SXTM Đan Cường	831.549.693	-
Công ty TNHH Tư vấn XD Sơn Long	312.000.000	-
Asiatic Engineering Pte	368.772.187	-
Công ty CP TS Sài Gòn-An Giang	214.586.700	-
Phải thu lãi công trái giáo dục	-	37.333.333
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác	379.557.422	325.143.104
Cộng	<u>27.969.496.240</u>	<u>4.472.911.432</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	39.639.299	112.106.943
Nguyên liệu, vật liệu	1.474.611	527.789
Công cụ, dụng cụ	1.061.746.235	4.383.250.917
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.199.167.304	74.628.039.894
Cộng	<u>13.302.027.449</u>	<u>79.123.925.543</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa trong năm.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.151.111.458	1.431.124.708
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.050.835.215	4.356.822.911
Cộng	<u>2.201.946.673</u>	<u>5.787.947.619</u>

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước (*)	6.249.557.565	7.758.863.957
Khách hàng nước ngoài	981.684.840	1.195.877.718
Cộng	<u>7.231.242.405</u>	<u>8.954.741.675</u>

(*) Trong đó, nợ phải thu khó đòi chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước sang là 2.981.074.309 VND và công nợ khó đòi phát sinh thêm trong năm là 2.724.263.735 VND chưa được lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thép Việt Thanh	310.670.272	294.877.821
Công ty Kho bãi Thành phố HCM	10.000.000	10.000.000
Khách hàng cá nhân	24.446.880	23.204.160
Cộng	<u>345.117.152</u>	<u>328.081.981</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.067.662.447	12.070.941.095	2.208.392.337	490.410.211	33.837.406.090
Tăng trong năm	1.063.112.902	577.000.000	-	121.124.068	1.761.236.970
<i>Mua sắm mới</i>			-	121.124.068	121.124.068
<i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>	1.063.112.902	577.000.000	-	-	1.640.112.902
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>20.130.775.349</u>	<u>12.647.941.095</u>	<u>2.208.392.337</u>	<u>611.534.279</u>	<u>35.598.643.060</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
--	---	---	---	---	---

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.630.623.292	8.047.829.085	968.709.502	249.708.941	18.896.870.820
Tăng trong năm	1.267.899.579	1.314.445.686	281.243.872	75.559.327	2.939.148.464
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.267.899.579	1.314.445.686	281.243.872	75.559.327	2.939.148.464
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>10.898.522.871</u>	<u>9.362.274.771</u>	<u>1.249.953.374</u>	<u>325.268.268</u>	<u>21.836.019.284</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9.437.039.155	4.023.112.010	1.239.682.835	240.701.270	14.940.535.270
Số cuối năm	<u>9.232.252.478</u>	<u>3.285.666.324</u>	<u>958.438.963</u>	<u>286.266.011</u>	<u>13.762.623.776</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	12.611.700.000	-	12.611.700.000
Tăng trong năm	-	252.234.000	252.234.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>12.611.700.000</u>	<u>252.234.000</u>	<u>12.359.466.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại số 200 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh của Xí nghiệp vận tải biển.

Quyền sử dụng đất này được hình thành theo Quyết định số 200/QĐ-7 ngày 22/04/1987 của Sở Nhà đất TP Hồ Chí Minh về việc bán nhà số 200 Điện Biên Phủ, Quận 3 cho Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP. Hồ Chí Minh.

Diện tích: 729 m²

Giá trị được hình thành do đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP. Hồ Chí Minh.

Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 12.359.466.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0411/KH/07 ngày 31/12/2008.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	577.000.000	(577.000.000)	-
XDCB dở dang	469.037.577	3.773.919.281	(1.063.112.902)	3.179.843.956
- Công trình Xây dựng kho vật tư 2700 m ²	308.365.440	754.747.462	(1.063.112.902)	-
- Công trình Xây dựng kho lạnh 9000 tấn tại KCN Sóng Thần	160.672.137	3.019.171.819	-	3.179.843.956
Cộng	469.037.577	4.350.919.281	(1.640.112.902)	3.179.843.956

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP đầu tư kinh doanh nhà Seaprodex	85.705.901	85.705.901
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	320.829.080	320.829.080
Cộng	406.534.981	406.534.981

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	4.810.000.000	4.750.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	100.000.000
- Đầu tư công trái giáo dục	-	100.000.000
Cộng	4.810.000.000	4.850.000.000

Chi tiết đầu tư cổ phiếu bao gồm:

<u>Đơn vị nhận đầu tư</u>	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Mệnh giá VND</u>	<u>Giá trị đầu tư VND</u>
- Ngân hàng TMCP Phương Nam	50.600	10.000	4.410.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Vàng bạc đá quý Phương Nam	10.000	10.000	400.000.000
Cộng			4.810.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư cổ phiếu	3.560.000.000	-
Cộng	<u>3.560.000.000</u>	<u>-</u>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất (*)	6.052.143.594	-	(163.571.448)	5.888.572.146
Công cụ, dụng cụ	170.000.000	-	(60.000.000)	110.000.000
Chi phí sửa chữa	575.010.787	159.020.074	(287.505.392)	446.525.469
Cộng	<u>6.797.154.381</u>	<u>159.020.074</u>	<u>(511.076.840)</u>	<u>6.445.097.615</u>

(*) Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 128/HĐTLĐ/ST2 ngày 16 tháng 5 năm 2002 với Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Sóng thần, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Diện tích đất thuê: 8.804 m²

Thời hạn thuê : từ ngày 16/5/2002 đến ngày 31/12/2045

Chi phí thuê : 6.542.857.938 VND

Thời gian phân bổ: 40 năm kể từ năm 2005

Chi phí thuê phân bổ hàng năm : 163.571.448 VND

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	107.784.052.956	176.514.174.032
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	107.784.052.956	171.438.264.032
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ^(b)	-	5.075.910.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	4.571.205.000	-
Cộng	<u>112.355.257.956</u>	<u>176.514.174.032</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0411/KH/07 ngày 31/12/2008 với lãi suất theo từng thời điểm của giấy nhận nợ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 200 Điện Biên Phủ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

(b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0087/HĐTD2-VIB625/07 ngày 27/08/2007 với lãi suất theo từng thời điểm của giấy nhận nợ để nhập khẩu hàng hóa. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Sóng Thần II, tỉnh Bình Dương .

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	176.514.174.032
Số tiền vay phát sinh trong năm	450.225.688.705
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.571.205.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng do chênh lệch tỷ giá	2.920.460.880
Số tiền vay đã trả trong năm	(521.876.270.661)
Số cuối năm	112.355.257.956

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	1.533.028.873	3.819.654.357
Nhà cung cấp nước ngoài	1.162.876.964	6.221.326.476
Cộng	2.695.905.837	10.040.980.833

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>	<i>4.506.708.864</i>	<i>2.467.071.578</i>
Khách hàng trong nước	4.506.708.864	2.305.069.479
Khách hàng nước ngoài	-	162.002.099
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	<i>35.454.545</i>	<i>58.963.636</i>
Cộng	4.542.163.409	2.526.035.214

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	115.486.329	170.618.532	(174.053.304)	112.051.557
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	962.878.688	23.066.941.998	(23.956.433.503)	73.387.183
Thuế xuất, nhập khẩu	313.409.025	12.989.351.170	(12.864.327.061)	438.433.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.295.510.071	1.732.638.352	(2.395.670.468)	632.477.955
Thuế thu nhập cá nhân	56.432.856	71.562.220	(124.670.611)	3.324.465
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	326.232.994	1.213.435.136	(1.213.435.144)	326.232.986
Các loại thuế khác	14.442.068	-	-	14.442.068
Cộng	3.084.392.031	39.244.547.408	(40.728.590.091)	1.600.349.348

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

Các mặt hàng thủy sản xuất khẩu	0 %
Các mặt hàng sắt, thép, hóa chất, nhựa, giấy, phụ tùng xe,...	5 %
Dịch vụ cho thuê văn phòng, thuê kho	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.673.989.210	2.139.635.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.734.157	2.487.186.307
- Các khoản điều chỉnh giảm	(119.910.960)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.689.723.367	4.626.821.683
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.873.122.543	1.295.510.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	(140.484.191)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.732.638.352	1.295.510.071

Tiền thuê đất

Mặt bằng tại Xí nghiệp Kho vận của Công ty được thuê đất của Nhà nước để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thuê đất số 6512/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTTĐ ngày 19 tháng 9 năm 2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh.

- Diện tích đất thuê: 22.379 m².
- Thời hạn thuê: đến năm 2020
- Tiền thuê đất:
- Diện tích 7.761 m², đơn giá thuê 14.500 đồng/m²/năm
- Diện tích 14.618 m², đơn giá thuê 11.600 đồng/m²/năm

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Phải trả công nhân viên theo Quy chế trả lương số 39/QCTL-TCCB ngày 01 tháng 02 năm 2008.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đào tạo sau cổ phần hóa	150.149.856	239.225.804
Lãi vay phải trả CN Quỹ Hỗ trợ phát triển Hà Nội	479.990.571	444.940.409
Lãi vay ngân hàng còn phải trả	131.617.079	207.786.162
Chi phí thuế kho bãi còn phải trả	376.436.480	225.861.888
Tiền điện còn phải trả	-	40.916.683
Chi phí may đồng phục	42.971.000	-
Tiền phạt thuế	89.061.530	89.061.530
Cộng	1.270.226.516	1.247.792.476

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	92.336.984	102.715.014
Bảo hiểm y tế	43.606.552	52.663.093
Kinh phí công đoàn	178.432.808	180.730.605
Phải trả khác	1.609.601.029	3.437.489.038
Cộng	<u>1.923.977.373</u>	<u>3.773.597.750</u>

24. Phải trả dài hạn người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	279.353.569	213.333.300
Nhà cung cấp nước ngoài	25.926.935	-
Cộng	<u>305.280.504</u>	<u>213.333.300</u>

25. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	773.472.000
Người mua trả tiền trước	271.632.000	89.767.149
Phải trả dài hạn khác	31.357.600	31.357.600
Cộng	<u>302.989.600</u>	<u>894.596.749</u>

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	<u>26.019.592.709</u>	<u>3.385.689.357</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN TP HCM ^(a)	25.738.291.234	3.104.387.882
Ngân hàng Phát triển Hà Nội	281.301.475	281.301.475
Nợ dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>26.019.592.709</u>	<u>3.385.689.357</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN TP HCM theo Hợp đồng tín dụng số 0132/HĐTD2-VIB625/07 ngày 28/11/2007 :

- Số tiền vay : 2.801.944 USD
- Mục đích vay : tài trợ xây dựng hệ thống kho lạnh 9.000 tấn
- Thời hạn vay : 72 tháng, ân hạn 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên
- Lãi suất : Theo từng thời điểm giải ngân
- Hình thức đảm bảo tiền vay : thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là hệ thống kho lạnh 9.000 tấn với giá trị tài sản tạm định giá là 56.200.000.000 đ.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	4.571.205.000
Trên 1 năm đến 5 năm	25.738.291.234
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>30.309.496.234</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.385.689.357
Số tiền vay phát sinh trong năm	26.819.978.825

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng do chênh lệch tỷ giá		385.129.527
Số tiền vay đã trả trong năm		-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả		(4.571.205.000)
Số cuối năm		26.019.592.709
27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Số đầu năm		486.643.861
Số trích lập trong năm		135.450.827
Số chi trong năm		(240.088.900)
Số cuối năm		382.005.788
28. Vốn chủ sở hữu		
<i>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>		
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục I .		
<i>Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước (61,03%)	58.585.000.000	58.585.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác (38,97%)	37.415.000.000	37.415.000.000
Cộng	96.000.000.000	96.000.000.000
<i>Cổ tức</i>		
Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:		
Cổ tức năm trước		590.887.715
Cộng		590.887.715
<i>Cổ phiếu</i>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.600.000	9.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		
29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm		1.083.083.159
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm		84.412.530
Chi quỹ trong năm		(1.130.188.159)
Số cuối năm		37.307.530

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	725.267.830.062	830.369.089.744
- Doanh thu bán hàng hóa	598.283.398.519	708.103.808.976
- Doanh thu bán thành phẩm	107.587.131.883	107.420.330.116
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.397.299.660	14.844.950.652
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(534.691.627)	-
- Hàng bán bị trả lại	(534.691.627)	-
Doanh thu thuần	724.733.138.435	830.369.089.744
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	598.283.398.519	708.103.808.976
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	107.052.440.256	107.420.330.116
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	19.397.299.660	14.844.950.652

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	567.548.248.758	755.393.096.747
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	103.028.054.168	37.914.186.980
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.980.534.949	11.167.228.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.900.000.000	-
Cộng	685.456.837.875	804.474.512.554

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi kỳ hạn	417.044.721	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	624.209.409	119.973.533
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.268.541.419	2.152.348.870
Lãi công trái giáo dục	40.672.760	16.000.000
Chiết khấu thanh toán	36.697.976	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	79.238.200	-
Cộng	13.466.404.485	2.288.322.403

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.810.295.989	8.540.990.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.313.133.765	914.644.376
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.560.000.000	-
Chi phí tài chính khác	33.981.946	-
Cộng	27.717.411.700	9.455.634.814

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.719.870.582	1.496.528.704
Chi phí khác	69.086.715	12.885.382
Cộng	<u>3.788.957.297</u>	<u>1.509.414.086</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.916.225.635	5.401.314.525
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	95.794.390	97.031.242
Chi phí đồ dùng văn phòng	477.130.515	463.156.102
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.020.561.969	1.139.314.273
Thuế, phí và lệ phí	64.078.800	129.180.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.617.736.875	1.666.617.899
Chi phí bằng tiền khác	4.897.418.863	6.189.244.101
Cộng	<u>15.088.947.047</u>	<u>15.085.859.057</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	414.545.427
Thu lãi phạt do vi phạm hợp đồng	614.101.194	152.032.664
Thuế nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất năm trước	-	91.857.250
Thu tiền bán hồ sơ mời thầu	2.500.000	-
Thu khác	45.644.132	500.477
Cộng	<u>662.245.326</u>	<u>658.935.818</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phạt truy thu thuế	135.645.117	178.774.108
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	371.526.243
Nộp thuế thay cho khách hàng	-	22.311.727
Chi ủng hộ, từ thiện	-	78.680.000
Cộng	<u>135.645.117</u>	<u>651.292.078</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.941.350.858	844.125.305
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.941.350.858	844.125.305

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	515	88

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.009.588.000	853.323.248
Thù lao	127.500.000	78.000.000
Tiền thưởng	300.050.000	137.710.000
Cộng	1.437.138.000	1.069.032.248

2. Các sai sót

Việc điều chỉnh sai sót đã ảnh hưởng đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.788.881.960	3.084.392.031
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.139.635.376	844.125.305
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.295.510.071
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.139.635.376	844.125.305
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.139.635.376	844.125.305
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.706.490.445	9.002.000.516

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2009

Trần Thị Mai Thu
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng

Phùng Quốc Mẫn
Tổng Giám đốc